

CÔNG TY TNHH ZELY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ZELY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZELY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ZELY CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108437557

3. Ngày thành lập: 19/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 129 ngõ 172 Tổ 13 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất chè	1076
2.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
3.	Phá dỡ	4311
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7.	Xây dựng nhà để ở	4101
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
9.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4513
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13.	Xây dựng công trình thủy	4291

14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: Công trình thể thao ngoài trời	4299
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
17.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
18.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312(Chính)
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
24.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
27.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
31.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
32.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
33.	Xây dựng công trình điện	4221
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530

35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4759
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.	4932
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.	4933
38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất	7410
39.	Dịch vụ đóng gói	8292
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ hoạt động của quán rượu, bia, quán bar)	5630
41.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Hoạt động đại lý: Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng; Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;	4610
46.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn chè	4632

47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
48.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223